**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ – LỚP 11**

**Môn: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn / tiểu thuyết hiện đại | **4** | **0** | **2** | **1** | **1** | **1** | **0** | **1** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (Thơ, truyện) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| **Tỉ lệ %** | | | ***20*** | ***5*** | ***10*** | ***25*** | ***5*** | ***25*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ – LỚP 11**

**Môn: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng %** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **I** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết.  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. | 4 câu | 3 câu | 2câu | 1câu | 60 |
| **II** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả) | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học .  - Phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc: Điểm nhìn trong truyện…  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1câu TL | 40 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT PHÚ THỌ**  **TRƯỜNG THPT LÂM THAO** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ - LỚP 11**  **Môn: Ngữ văn**  *Thời gian làm bài: 90 phút*  *(Đề thi gồm có 02 trang)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn bản sau:**

**Lược 1 đoạn***:* (*Gia đình anh chị Chuột gồm 4 miệng ăn đang ở trong hoàn cảnh nghèo đói phải vay tiền của bà Huyện để mua gạo, mua thuốc cho chồng ốm nặng. Chị đĩ Chuột phải nấu cám và vờ bảo là chè để dỗ hai con ăn cho đỡ đói, dành cơm trắng cho anh đĩ Chuột mong anh mau hết bệnh. Khi nồi cám được bê lên, lũ trẻ rất háo hức vì được ăn chè, nhưng được miếng thứ 2 thì thằng cu bé không thể nuốt trôi và khóc òa lên. Còn cái Gái đã lớn nên hiểu chuyện, nó và chị đĩ Chuột vẫn cố ăn những bát cám cho đỡ đói. Để dỗ thằng cu bé nín, chị đĩ Chuột liền bế nó vào chỗ anh đĩ Chuột đang nằm để hỏi han và xin chút cơm trắng cho thằng cu bé ăn. Anh đĩ Chuột biết vì sao nó khóc, cho nên khi chị đĩ Chuột vừa bế con ra để đi mua thuốc cho anh thì anh liền gọi cái Gái vào hỏi chuyện.)*

*….Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thở dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu.*

*- Thầy bảo gì con ạ?*

*- Lúc nãy mẹ con mày ăn cám phải không?*

*Gái gượng cười cãi:*

*- Ăn chè đấy chứ.*

*Bố nó chép miệng:*

*- Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày khổ từ trong bụng mẹ...*

*Cái Gái cúi đầu xuống không nói. Anh đĩ Chuột thở dài:*

*- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu (1), với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.*

*Cái Gái lấy ghế và thừng vào. Anh đĩ bảo:*

*- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.*

*Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng, làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khẳng khiu run lẩy bẩy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thở. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt giàn ra hai má lõm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nấc lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bặt, ngây người ra nghe ngóng. Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thưa và chạy ra, tiếng người kia the thé:*

*- Bu(2) mày đâu?*

*Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:*

*- Bẩm bà, bu con đi vắng.*

*- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội(3) ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống(4) chỉ biết ăn không.*

*Anh đĩ Chuột rít hai hàm răng lại. Hai chân giận dữ đạp phắt cái ghế đổ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại. Cái bộ xương bọc da giãy giụa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn gật từng cái chậm dưới sợi dây thừng lủng lẳng.*

*Ở ngoài ngõ, mẹ con chị đĩ Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy. Bà Huyện nhất định bắt mẻ gạo(5) mới đong để trừ sáu hào(6) chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc.”*

(Trích *“Nghèo*”– trang 22, 23 tập 1, *Tuyển tập Nam Cao* - NXB Văn học - 2002)

**Chú thích**

***\* Tác phẩm “Nghèo”:*** *In trong Tiểu thuyết thứ bảy số 158 Ngày 5-6-1937 với bút danh Thúy Rư*

*Truyện viết về đề tài người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945.*

*[1]: giậu: hàng rào [2] bu: mẹ ( cách gọi mẹ ngày xưa)*

*[3] nội: trong ngày [4] cái giống: cái đồ*

*[5] mẻ gạo: chỗ gạo, thúng gạo [6] hào: đơn vị tính tiền ngày xưa*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Câu chuyện trong đoạn văn bản lấy bối cảnh thời gian nào?

A. Xã hội phong kiến Việt Nam B. Đầu thế kỉ XX.

C. Trước Cách mạng tháng Tám 1945. D. Sau Cách mạng tháng Tám 1945.

**Câu 2:** Câu chuyện trong đoạn văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba.

**Câu 3.** Tác giả đã đặt điểm nhìn vào nhân vật nào?

1. Nhân vật chị đĩ Chuột B. Nhân vật anh đĩ Chuột

C. Nhân vật cái Gái D. Nhân vật tôi..

**Câu 4.** Ngôn ngữ kể chuyện trong văn bản có đặc gì?

A. Ngôn ngữ mộc mạc, thấm đẫm yêu thương.

B. Chân thực, khách quan, mộc mạc mà thấm đẫm yêu thương..

C. Ngôn ngữ mộc mạc gần lời ăn tiếng nói hàng ngày

D. Chân thực, khách quan, lạnh lùng mà thấm đẫm yêu thương.

**Câu 5**. Chi tiết “*Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu”* trong đoạn văn bản thể hiện điều gì trong tình cảm của anh Đĩ Chuột?

1. Thương vợ, thương con. B.Thương mình.
2. Xót xa cho cảnh ngộ D.Bất lực với chính mình.

**Câu 6 *:*** Dòng nào nói **khôn**g đúng về thái độ của nhà văn được thể hiện trong đoạn văn bản?

A. Phê phán xã hội thực dân nửa phong kiến.

B. Lạnh lùng, tỉnh táo mà đầy yêu thương.

C. Đồng cảm, xót thương với số phận đau khổ của người nông dân.

D. Phê phán hành động của anh Đĩ Chuột.

**Câu 7:** Dòng nào sau đây nêu đúng chủ đề chính của đoạn trích?

A. Ca ngợi tình thương của người cha với các con.

B. Phản ánh tình cảnh bi đát của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám và niềm xót thương của nhà văn.

C. Gửi gắm khát vọng về một cuộc sống ấm no.

D. Vạch trần tội ác của bọn thực dân phong kiến.

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 8.** Từ cảnh ngộ của gia đình anh Đĩ Chuột, em có nhận xét gì về đời sống của người dân Việt Nam trước Cách mạng?

**Câu 9**: Em có đồng tình với hành động lựa chọn cái chết của người cha trong đoạn văn bản trên không? Vì sao?

**Câu 10:** So sánh điểm giống và khác nhau về cách nhìn cuộc sống người nông dân của Nam Cao qua truyện ngắn *Nghèo* và của Kim Lân qua truyện ngắn *Vợ nhặt*?

**II.VIẾT (4.0 điểm)**

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc về nghệ thuật tự sự của Nam Cao thể hiện qua đoạn trích trong phần đọc hiểu trên.

* Hết-

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | Từ cảnh ngộ của gia đình anh Đĩ Chuột, ta có thể thấy đời sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng:  - Đói khổ, cơ cực, lầm tham.  - Bế tắc, bị đẩy vào bước đường cùng, thậm chí phải tìm đến cái chết…  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh nêu được 1 trong 2 ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **9** | ***HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình***.  ***- Nếu đồng tình HS có thể lí giải:*** Đó là cách duy nhất mà anh có thể làm để vơi đi gánh nặng cho vợ con. Là cách anh thể hiện tình yêu thương với vợ con. Cũng là để anh giải thoát cho chính mình.  ***- Nếu không đồng tình, HS có thể lí giải***: Anh Đĩ Chuột lựa chọn cái chết là hành động mang tính chất tiêu cực, chỉ giải thoát được cho mình, bằng chứng là anh chết đi, vợ con anh vẫn không có cơm để ăn, vẫn chịu đói, vẫn phải khóc. Cái chết của anh, khiến vợ con anh càng thêm đau đớn, cuộc sống càng bi đát hơn…  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh bày tỏ được quan điểm và lí giải thuyết phục: 1.0 điểm*  *- Học sinh bày tỏ được quan điểm nhưng lí giải chưa thuyết phục: 0,5 điểm*  *- Học sinh không trả lời được: 0 điểm* | 1,0 |
| **10** | ***Cách nhìn cuộc sống của người nông dân ở 2 nhà văn:***  - Giống nhau:  + Am hiểu cuộc sống của người nông dân: nghèo khổ, túng quẫn, giàu tình người.  + Cái nhìn cảm thông, yêu thương.  - Khác nhau  + Nam Cao: Bế tắc, đau khổ do nhãn quan lịch sử thời đại.  + Kim Lân: Lạc quan, tin tưởng, chỉ ra lối thoát cho người nông dân nghèo là đi theo ánh sáng cách mạng để giải phóng mình.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0, 5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **II** | **VIẾT** |  | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nghệ thuật tự sự của Nam Cao qua đoạn trích trong truyện ngắn *Nghèo*.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  **1. Giới thiệu được tên tác giả, tên tác phẩm, và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ.**  - Nam Cao là một đại diện tiêu biểu của văn học hiện thực Việt Nam 1030-1945.  - Truyện ngắn “*Nghèo*” là một tác phẩm tiêu biểu về đề tài người nông dân trước Cách mạng.  - Truyện ngắn thành công và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về **ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật.**  **2. Thân bài**  **\* Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện (câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)**  **- Mô tả câu chuyện:** Tình cảnh khốn khổ của gia đình anh Đĩ Chuột trước cách mạng:  + Nhà nghèo, đông người, anh đĩ Chuột 6 tháng nay ốm nặng, không đi làm được và rất cần tiền mua thuốc.  + Chị đĩ Chuột phải đôn đả ngược xuôi vay tiền mua thuốc cho chồng và mua gạo cho cả gia đình trong cơn đói kém, chị đã vay của bà Huyện 6 hào từ 2 tháng trước  + Hai đứa con còn nhỏ dại, ngây thơ, ốm yếu, gầy guộc, đói khát, ăn cám thay cơm  **+** Người cha hiểu ra cơ sự ai oán, xót xa thương vợ, thương con, giận mình và cuối cùng đã chọn cái chết đau đớn nhất để bớt đi gánh nặng cho vợ con và giải thoát chính mình  **- Đánh giá**: Trình tự sự kiện trong mạch truyện kể theo trình tự thời gian, cho thấy đoạn trích này tập trung miêu tả tình cảnh khốn khổ của gia đình anh Đĩ Chuột trước cách mạng:  **\* Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể, điểm nhìn)**  - Người kể chuyện:Ngôi kể thứ 3  - Điểm nhìn của câu chuyện chủ yếu là của người kể chuyện  - Người kể chuyện còn nương theo điểm nhìn của nhân vật anh Đĩ Chuột.  *\** **Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật**  - Người kể chuyện: Ngôi kể thứ 3 - toàn tri: Kể chân thực, khách quan về tình cảnh đói khổ nhà anh Đĩ Chuột, đặc biệt đã khắc họa đầy ám ảnh chi tiết về cái chết của anh Đĩ Chuột trong xã hội vô nhân đạo.  - Điểm nhìn của người kể chuyện giúp người đọc nhận ra gia cảnh và số phận của gia đình anh Đĩ Chuột  - Điểm nhìn chủ yếu từ anh Đĩ Chuột gồm điểm nhìn bên ngoài (ngoại hình, lời nói, hành động của nhân vật) và điểm nhìn bên trong (suy nghĩ, nội tâm, cảm nhận của nhân vật) giúp khắc họa được nội tâm giằng xé đau đớn, sự bế tắc, tuyệt vọng của nhân vật, khi anh ta chứng kiến nỗi khổ của vợ con, tình cảnh bi đát của gia đình, day dứt vì nghĩ nguyên dân là do mình để rồi đưa ra lựa chọn bi kịch.  - Lời trần thuật:  + Lời người kể chuyện là tác giả, tái hiện tình cảnh, cử chỉ, tâm trạng của anh đĩ Chuột:  *“Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thở dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu.”*  *“Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng, làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khẳng khiu run lẩy bẩy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thở. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt giàn ra hai má lõm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nấc lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bặt, ngây người ra nghe ngóng.”...*  + Lời nhân vật là ngôn ngữ đối thoại của anh đĩ Chuột với cái Gái, gắn với ý thức về tình cảnh thực tại đầy khốn khó của gia đình mình.  => Qua đó nhân vật hiện lên chủ yếu qua ngôn ngữ, hành động và diễn biến tâm trạng.  - Ngôn ngữ nhân vật chân thực, mộc mạc, mang đặc trưng của người nông dân.  - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật: anh đĩ Chuột khi quyết định tự tử với những đau đớn và giằng xé nội tâm.  - Giọng kể: vừa khách quan, lạnh lùng nhưng cũng nhiều trăn trở, dằn vặt, suy tư.  **\* Đánh giá hiệu quả của nó**  - Người kể chuyện ở đây giữ một khoảng cách nhất định với nhân vật. Khoảng cách ấy thể hiện rõ nhất qua giọng điệu trần thuật. Người kể chuyện có những đồng cảm nhất định với tình cảnh bế tắc, tuyệt vọng của anh đĩ Chuột  - Người kể chuyện đã thay mặt nhà văn Nam Cao viết về cái đói và câu chuyện sinh hoạt đời thường ở nhà anh Đĩ Chuột, nhưng qua đó ta thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Phản ánh số phận bi thương của người nông dân Việt Nam trước CMT8/1945. Cảm thông, thương xót cho số phận người nông dân Việt Nam trước CMT8/1945. Lên tiếng tố cáo tội ác của chế độ thực dân phong kiến. Đề cao, trân trọng tình cảm gia đình: nghĩa vợ chồng, tình cha con. Đặt ra vấn đề: Làm thế nào để người nông dân không chết vì đói vì nghèo.  - Giọng văn lạnh lùng tỉnh táo mà thấm đẫm yêu thương, đan xen đối thoại, độc thoại nội tâm, ngôn ngữ trần thuật đa thanh đan xen lời kể của nhà văn và lời nhân vật….  **Kết bài:** **Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện**  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Bài viết đầy đủ, sâu sắc, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục: 2,0 điểm.*  *- Đủ ý nhưng chưa có độ sâu, lập luận tương đối chặt chẽ, có sức thuyết phục: 1,5 điểm.*  *- Còn thiếu ý, sơ sài , lập luận tương đối chặt chẽ: 1,0 điểm.*  *- Bài viết sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.*  *- Lạc đề: 0 điểm* | **2.0**  **0,25**  **1,5**  **0,5**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  0,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | **10.0** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com